

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-ST
Ngày 23-11-2019
V/v tranh chấp
hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thành Tính;
2. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 23 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-KDTM ngày 10-9-2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18-10-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty S;

Địa chỉ: Lô L, đường số 2, Khu Công nghiệp T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Công H, sinh năm 1965, địa chỉ: Số 396/7/10 đường D, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 10/2019/UQ-ST ngày 15-8-2019), vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty T;

Địa chỉ: Số 26C đường L, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đặng Thị Yến N - Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15-8-2019, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty S (do ông Bùi Công H đại diện) trình bày:*

Ngày 02-01-2018, Công ty S đã ký Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số CN51/2018/HDNT và Phụ lục CKTT/2018 với Công ty T, theo đó Công ty S cung cấp hàng hóa sơn các loại cho Công ty T; thời hạn thanh toán là 60 ngày kể từ ngày lập hóa đơn; lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.

Kể từ ngày 03-5-2018 đến ngày 30-6-2018, Công ty T đã mua hàng của Công ty S nhưng chưa thanh toán đầy đủ tiền mua hàng. Ngày 30-4-2019, Công ty T đã ký xác nhận công nợ tính đến hết ngày 30-4-2019 với tổng số tiền 431.530.020 đồng, do được khấu trừ số tiền 112.091.780 đồng theo chính sách khuyến mãi của Công ty S nên Công ty T còn nợ số tiền 319.438.240 đồng.

Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng nêu trên, các hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty S đã xuất cho Công ty T thì Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù Công ty S đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty T vẫn không thực hiện.

Nay Công ty S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T trả số tiền nợ là 357.052.080 đồng, trong đó nợ gốc là 319.438.240 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01-8-2018 đến ngày 23-11-2019 là 37.613.840 đồng (tiền lãi được tính sau 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn cuối cùng 31-5-2018, theo mức lãi suất 0,75%, cụ thể: 319.438.240 đồng x 0,75%/tháng x 15 tháng 21 ngày); yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 24-11-2019 cho đến khi thanh toán xong.

** Bị đơn Công ty T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty S vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty T vắng mặt tại phiên

tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ để giải quyết theo quy định.

[2.2] Theo Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số CN51/2018/HDNT và Phụ lục CKTT/2018 ngày 02/01/2018 được ký kết giữa Công ty S và Công ty T, các bảng xác nhận công nợ, cũng như các hóa đơn giá trị gia tăng do nguyên đơn cung cấp thể hiện Công ty S có bán hàng hóa cho Công ty T. Tính đến ngày 30-4-2019 Công ty T còn nợ số tiền mua sơn các loại là 319.438.240 đồng (đã trừ khuyến mại). Công ty T không thanh toán tiền mua hàng sau khi Công ty S xuất hóa đơn giá trị gia tăng nên Công ty T là bên vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Căn cứ vào các Điều 50, 55 của Luật Thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S, buộc Công ty T có nghĩa vụ trả cho Công ty S số tiền là 319.438.240 đồng nợ gốc.

[2.3] Về tiền lãi: Các bên thỏa thuận trong hợp đồng lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán (tức 13,5%/năm). Công ty S yêu cầu mức lãi suất 0,75%/tháng (tức 9%/năm) là không làm thiệt hại đến quyền lợi của công ty T, phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc công ty T có nghĩa vụ trả cho Công ty S số tiền lãi 37.613.840 đồng (tiền lãi tính từ ngày 01-8-2018 đến ngày 23-11-2019 cụ thể: 319.438.240 đồng x 0,75%/tháng x 15 tháng 21 ngày).

[2.4] Án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả lại tạm ứng án phí cho Công ty S.

[2.5] Lãi suất chậm thi hành án theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 144, 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 50, 55 và Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc Công ty T có nghĩa vụ trả cho Công ty S số tiền 357.052.080 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, không trăm tám mươi đồng), trong đó nợ gốc là 319.438.240 đồng (ba trăm mười chín triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm bốn mươi đồng), nợ lãi là 37.613.840 đồng (ba mươi bảy triệu, sáu trăm mười ba nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

2. Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 17.852.604 đồng (mười bảy triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng).

Hoàn trả cho Công ty S số tiền tạm ứng án phí là 8.792.538 đồng (tám triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0001546 ngày 30-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 13,5%/năm.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh